

Tân Viên, ngày 09 tháng 05 năm 2025

**BIÊN BẢN**  
**Kết thúc công khai dự toán ngân sách cấp BS**  
**Nguồn 12 - Kinh phí không tự chủ**  
**Chi phí học tập kỳ 2 NH 2024 – 2025**  
**Bổ sung lần 2**

**I. Thời gian:** 8<sup>h</sup>30 ngày 09 tháng 05 năm 2025

**II. Địa điểm:** Hội trường Trường Tiểu học Tân Viên

**III. Thành phần:**

- 1 Bà Nguyễn Thị Yến : Hiệu trưởng
- 2 Bà Phạm Thúy Hương : Phó hiệu trưởng
- 3 Bà Ninh Thị Hiền : Chủ tịch công đoàn
- 4 Bà Trần Thị Hằng : GV TPT
- 5 Bà: Lương Thị Hồng Hà : Kế toán
- 6 Ông Ninh Văn Giáp : Trưởng ban TTND,
- 7 Bà Vũ Thị Hạnh : Giáo viên – Thư ký

Cùng toàn thể giáo viên và nhân viên nhà trường tiểu học Tân Viên

**IV. Nội dung:**

Căn cứ biên bản công khai dự toán ngân sách cấp năm 2025 nguồn 12 kinh phí không tự chủ bổ sung lần 2

Trường Tiểu học Tân Viên đã tiến hành kết thúc công khai

Trong thời gian công khai 30 ngày đại diện công đoàn và thanh tra nhân dân không tiếp nhận được ý kiến nào cần xác minh, giải trình.

Biên bản được hoàn thành vào hồi 15<sup>h</sup>30 cùng ngày và được thống nhất thông qua kết thúc niêm yết công khai theo đúng quy định.



**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Nguyễn Thị Yến

**CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN**

Ninh Thị Hiền

**THƯ KÝ**

GV Vũ Thị Hạnh

**KẾ TOÁN**

Lương Thị Hồng Hà

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Phạm Thúy Hương

**THANH TRA NHÂN DÂN**

Ninh Văn Giáp





**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

## THƯ KÝ



Ninh Thi Hiền

GV Vũ Thị Hạnh

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**THANH TRẠ NHÂN DÂN**

Phạm Thúy Hương

Ninh Văn Giáp

**GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG XÁC NHẬN**

1. Trần Thị Hằng  
 2. Bùi Thị Quỳnh  
 3. Phạm Thị Duyên  
 4. Đinh Thị Việt Hương  
 5. Lê Thị Hồng  
 6. Nguyễn Thị Phụng  
 7. Hoàng Thị Yến  
 8. Hoàng Thị Hằng  
 9. Lê Thị Lệ  
 10. Nguyễn Thị Thanh Loan  
 11. Phạm Thị Thuý Dung  
 12. Lê Thị Tâm  
 13. Trần Thị Thuý





Tân Viên, ngày 09 tháng 04 năm 2025

**BIÊN BẢN**

**Công khai dự toán ngân sách cấp năm 2025**

**Nguồn 12 - Kinh phí không tự chủ**

**Chi phí học tập kỳ 2 NH 2024 – 2025**

**Bổ sung lần 2**

**I. Thời gian:** 8<sup>h</sup>30 ngày 09 tháng 04 năm 2025

**II. Địa điểm:** Hội trường Trường Tiểu học Tân Viên

**III. Thành phần:**

1. Bà Nguyễn Thị Yến : Hiệu trưởng
2. Bà Phạm Thúy Hường : Phó hiệu trưởng
3. Bà Ninh Thị Hiền : Chủ tịch công đoàn
4. Bà Trần Thị Hằng : GV TPT
5. Bà: Lương Thị Hồng Hà : Kế toán
6. Ông Ninh Văn Giáp : Trưởng ban TTND,
7. Bà Vũ Thị Hạnh : Giáo viên – Thư ký

Cùng toàn thể giáo viên và nhân viên nhà trường tiểu học Tân Viên

**IV. Nội dung**

Trường tiểu học Tân Viên đã tiến hành việc công khai dự toán ngân sách cấp năm 2025 nguồn kinh phí 12 không tự chủ Chi phí học tập kỳ 2 NH 2024 – 2025 như sau:

1. Thời gian công khai: Công khai trong vòng 30 ngày kể từ ngày 09/04/2025
2. Hình thức công khai:

Tại bảng tin nhà trường, Công khai trong cuộc họp hội đồng sư phạm, Công khai trên trang Web trường tiểu học Tân Viên

3. Nội dung công khai:

Trường Tiểu học Tân Viên tiến hành việc niêm yết công khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 theo Quyết định số 2271/QĐ – UBND ngày 04/04/2025

Tổng chi ngân sách nguồn không tự chủ ra hạn phần mềm số tiền:

Hỗ trợ chi phí học tập 5HS có DS kèm theo: 3.750.000 đ

Tổng cộng: 3.750.000 đ

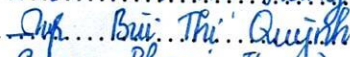
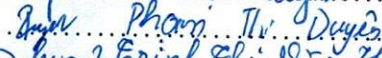
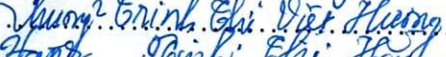
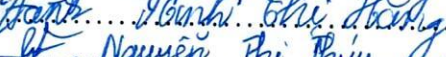
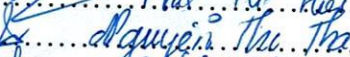
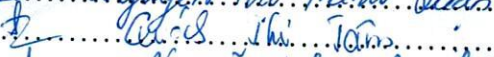
Số tiền bằng chữ: Ba triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng

(Có biểu phụ lục đính kèm).

Thời gian niêm yết trên bảng công khai nhà trường: Từ ngày 09 tháng 04 năm 2025 đến ngày 09 tháng 05 năm 2025.



**GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG XÁC NHẬN**

 Trần Thị Hằng  
 Bùi Thị Quỳnh  
 Phạm Thị Duyên  
 Lương Thị Việt Hương  
 Đinh Thị Hồng  
 Nguyễn Thị Phú  
 Đặng Thị Yên  
 Mai Thị Hằng  
 Nguyễn Thị Thanh Loan  
 Lê Thị Tâm  
 Nguyễn Thị Thanh Tâm



**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP,  
Nghị định 97/2023/NĐ-CP (Học kỳ 2 năm học 2024-2025)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính Phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;*

*Căn cứ Quyết định số 7268/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị;*

*Căn cứ Danh sách đề nghị cấp hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng là trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (Tiểu học, THCS, liên cấp) được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (Kỳ 2 năm học 2024 - 2025) do phòng Giáo dục và Đào tạo huyện lập và Báo cáo số 171/BC-TCKH ngày 03/4/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng là trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (Tiểu học, THCS, liên cấp) được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, Nghị định số

57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (Học kỳ 2 năm học 2024- 2025) huyện An Lão với tổng số tiền là: **170.280.000 đồng**

*(Một trăm bảy mươi triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)*

Trong đó:

Khôi Mầm non: 9.450.000 đồng; Khối Tiểu học: 93.450.000 đồng; Khối THCS: 45.930.000 đồng; Khối trường liên cấp là: 21.450.000.000 đồng.

Bằng nguồn sự nghiệp giáo dục trong Dự toán ngân sách năm 2025.

Có phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

- Phòng Tài chính- Kế hoạch thực hiện thông báo dự toán kinh phí được cấp cho các trường liên cấp; Trung học cơ sở; Tiểu học, Mầm non công lập và hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

- Hiệu trưởng các trường các trường liên cấp; Trung học cơ sở; Tiểu học, Mầm non công lập chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được cấp theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng các trường: Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non, liên cấp; Trưởng phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hà Thế Vinh**

**TỔNG HỢP NHU CẦU**  
**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 81/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH 57/NĐ-CP**  
**KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025**

( Kèm theo Quyết định số:        /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2025 của UBND huyện An Lão)

| TT        | Đơn vị            | Thuộc đối tượng     |                                   |                       |                                                            | Tổng số đối tượng được hỗ trợ | Số tháng được hỗ trợ | Mức hỗ trợ/tháng | Tổng số tiền hỗ trợ | Ghi chú                                                                          |
|-----------|-------------------|---------------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------|------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|           |                   | Tàn tật, khuyết tật | Mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa | Cha mẹ thuộc hộ nghèo | Học sinh là dân tộc thiểu số rất ít người theo NĐ 57/NĐ-CP |                               |                      |                  |                     |                                                                                  |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>188</b>          | <b>6</b>                          | <b>15</b>             | <b>1</b>                                                   | <b>210</b>                    |                      | <b>150,000</b>   | <b>170,280,000</b>  |                                                                                  |
| <b>I</b>  | <b>MÀM NON</b>    | <b>9</b>            | <b>0</b>                          | <b>4</b>              | <b>0</b>                                                   | <b>13</b>                     |                      | <b>150000</b>    | <b>9,450,000</b>    |                                                                                  |
| 1         | MN Trường Sơn     | 1                   |                                   |                       |                                                            | 1                             | 7                    | 150,000          | 1,050,000           | Truy lĩnh kỳ 1 năm học 2024-2025                                                 |
| 2         | MN Trường Thành   | 1                   |                                   |                       |                                                            | 1                             | 5                    | 150,000          | 750,000             |                                                                                  |
| 3         | MN An Thái        | 2                   |                                   |                       |                                                            | 2                             | 4                    | 150,000          | 1,200,000           |                                                                                  |
| 4         | MN Quang Hưng     | 4                   | 0                                 | 0                     | 0                                                          | 4                             | 5                    | 150,000          | 3,000,000           |                                                                                  |
| 5         | MN Quang Trung    |                     |                                   | 2                     |                                                            | 2                             | 4                    | 150,000          | 1,200,000           | Truy lĩnh kỳ 1 năm học 2024-2025                                                 |
| 6         | MN An Thọ         | 1                   |                                   | 2                     |                                                            | 3                             | 5                    | 150,000          | 2,250,000           |                                                                                  |
| <b>II</b> | <b>TIỂU HỌC</b>   | <b>101</b>          | <b>2</b>                          | <b>10</b>             | <b>0</b>                                                   | <b>113</b>                    |                      | <b>150,000</b>   | <b>93,450,000</b>   |                                                                                  |
| 1         | TH An Tiến        | 5                   |                                   |                       |                                                            | 5                             | 5                    | 150,000          | 3,750,000           |                                                                                  |
| 2         | TH Thị Trần       |                     | 1                                 |                       |                                                            | 1                             | 5                    | 150,000          | 750,000             |                                                                                  |
| 3         | TH Trần Tất Văn   | 9                   |                                   |                       |                                                            | 9                             | 5                    | 150,000          | 6,750,000           |                                                                                  |
|           |                   |                     | 1                                 |                       |                                                            | 1                             | 4                    | 150,000          | 600,000             | 1 HS hưởng từ T2/2025                                                            |
| 4         | TH Tân Dân        | 6                   |                                   |                       |                                                            | 6                             | 5                    | 150,000          | 4,500,000           |                                                                                  |
|           |                   | 1                   |                                   |                       |                                                            | 1                             | 8                    | 150,000          | 1,200,000           | Bổ sung từ tháng 10/2024                                                         |
| 5         | TH Trường Sơn     | 1                   |                                   |                       |                                                            | 1                             | 5                    | 150,000          | 750,000             |                                                                                  |
| 6         | TH An Thắng       | 9                   |                                   |                       |                                                            | 9                             | 5                    | 150,000          | 6,750,000           | THS làm HS hưởng kỳ 1 nhưng tháng 2/2025 mới được hưởng : ( Bùi Thị Lệ Bluezone) |
| 7         | TH Nguyễn Đốc Tín | 13                  |                                   | 2                     |                                                            | 15                            | 5                    | 150,000          | 11,250,000          |                                                                                  |
|           |                   |                     |                                   | 2                     |                                                            | 2                             | 4                    | 150,000          | 1,200,000           | Bổ sung của kỳ 1 năm 2024-2025                                                   |
| 8         | TH Tân Viên       | 5                   |                                   |                       |                                                            | 5                             | 5                    | 150,000          | 3,750,000           |                                                                                  |
| 9         | TH Bát Trang      | 5                   |                                   |                       |                                                            | 5                             | 9                    | 150,000          | 6,750,000           | Truy lĩnh kỳ 1 năm học 2024-2025                                                 |
| 10        | TH Trường Thọ     | 6                   |                                   | 1                     |                                                            | 7                             | 4                    | 150,000          | 4,200,000           | Truy lĩnh kỳ 1 năm học 2024-2025                                                 |
|           |                   | 10                  |                                   |                       |                                                            | 10                            | 5                    | 150,000          | 7,500,000           |                                                                                  |
| 11        | TH Quốc Tuấn      | 7                   |                                   |                       |                                                            | 7                             | 5                    | 150,000          | 5,250,000           |                                                                                  |
|           |                   | 1                   |                                   |                       |                                                            | 1                             | 6                    | 150,000          | 900,000             | Truy lĩnh kỳ 1 năm học 2024-2025                                                 |
| 12        | TH Mỹ Đức 1       | 4                   |                                   |                       |                                                            | 4                             | 9                    | 150,000          | 5,400,000           | Kỳ 1 thiếu kỳ 2 bổ sung cả năm học                                               |
| 13        | TH Mỹ Đức 2       | 5                   |                                   | 2                     |                                                            | 7                             | 9                    | 150,000          | 9,450,000           | Kỳ 1 thiếu kỳ 2 bổ sung cả năm học                                               |
| 14        | TH Quang Trung    | 14                  |                                   | 3                     |                                                            | 17                            | 5                    | 150,000          | 12,750,000          |                                                                                  |

